TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**12**/2018/DS - ST.
Ngày: 30/03/2018.
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Xươnne.**

2. Ông **Huỳnh Khởi.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Quách Văn Diển**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Hậu**– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST - DS, ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS, ngày 19/03/2018, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1971.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1964 (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018 - có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, biên bản hòa giải ngày 26/02/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị L do ông Trần Văn D đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 26/8/2014ÂL, bà Nguyễn Thị Bé S có vay của bà L 20.000.000 đồng vốn, lãi hàng tháng là 1.500.000 đồng, thời gian vay là một

tháng sẽ trả lại số tiền trên, bà S có làm giấy vay tiền cho bà L. Sau khi vay, bà S đã trả cho bà L được 8 tháng với số tiền là 8.000.000 đồng, số còn lại không có trả vốn và lãi cho bà L đến nay.

Nay ông D đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu bà S hoàn trả 12.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi và trả trong vòng 01 tháng.

***** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 26/02/2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé S trình bày: Bà S thừa nhận vào ngày 26/8/2014ÂL, bà S có vay của bà L 20.000.000 đồng vốn, lãi hàng tháng là 1.500.000 đồng, thời gian vay là một tháng sẽ trả lại số tiền trên, hai bên có làm giấy vay tiền. Sau khi vay, bà S có trả cho bà L được 8 tháng với số tiền là 8.000.000 đồng, số còn lại không có trả vốn và lãi cho bà L đến nay.

Nay bà S đồng ý trả cho bà L 12.000.000 đồng vốn và xin trả hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466 khoản và khoản 2 Điều 470 BLDS; xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhậnđịnh:

[1] Giữa bà Võ Thị L và bà Nguyễn Thị Bé S có thỏa thuận vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do bà L và bà S cùng cư trú trên địa bàn huyện K, nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Bà Võ Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện này là giấy vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy việc cho vay này đã được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận 20.000.000 đồng của bà S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho bà S, bà S không có ý kiến việc vay tiền của bà L. Tại biên bản lấy khai, biên bản hòa giải cùng ngày 26/2/2018 và tại tòa bà S thừa nhận hiện nay

còn nợ bà L 12.000.000 đồng vốn (đã trả trước 8.000.000 đồng) và xin trả số tiền trên hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nên các văn bản này có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Như vậy có căn cứ để xác định bà S còn nợ bà L 12.000.000 đồng vốn, yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của S cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà trả cho bà L hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà S không được ông D đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ông D đại diện theo ủy quyền của bà L không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà S có trách nhiệm trả cho bà L 12.000.000 đồng.

[5] Do yêu cầu của bà L được chấp nhận toàn bộ, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà S phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 600.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L. Xử buộc bà Nguyễn Thị Bé S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị L 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) tiền vốn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu 600.000 đồng;

2.2. Bà Võ Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000959, ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng